

Số: 029350 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 34982.23



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA TƯƠI NGUYÊN CHẤT TIỆT TRÙNG - VINAMILK GREEN FARM ORGANIC
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STTT-109
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 ml
Ngày nhận mẫu : 19/12/2023
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Bình
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (d)	< 1 CFU/ml	19/12/2023
2	Listeria monocytogenes	ISO 11290-2:2017 (d)	< 1 CFU/ml	19/12/2023

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- < 1 CFU/ml: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29-12-2023

TU. VIÊN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 34983.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA TƯƠI NGUYÊN CHẤT TIỆT TRÙNG - VINAMILK GREEN FARM ORGANIC
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STTT-109
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 ml
Ngày nhận mẫu : 19/12/2023
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Bình
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	25/12/2023
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	25/12/2023
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	25/12/2023
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	25/12/2023
5	Antimon (Sb)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	25/12/2023
6	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,1 µg/kg	21/12/2023
7	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 0,05 mg/kg	20/12/2023

Mã số mẫu: 34983.23

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-12-2023**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 029354 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 34986.23



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA TƯƠI NGUYÊN CHẤT TIỆT TRÙNG - VINAMILK GREEN FARM ORGANIC
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STTT-109
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 ml
Ngày nhận mẫu : 19/12/2023
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Bình
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Diminazene	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 25 µg/kg	25/12/2023
2	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15 µg/kg	21/12/2023
3	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15 µg/kg	21/12/2023
4	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15 µg/kg	21/12/2023
5	Sulfamethazine (Sulfadimidine)	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	25/12/2023
6	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 1 µg/kg	25/12/2023
7	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133 - 5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	25/12/2023
8	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	25/12/2023

Mã số mẫu: 34986.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
9	Procaine benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 1 µg/kg	25/12/2023
10	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	25/12/2023
11	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	25/12/2023
12	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 10 µg/kg	25/12/2023
13	Clenbuterol	HD.PP.68/TT.SK (LC/MS/MS) (Ref. Study of β-agonist residues in animal - derived food) (d)	Không phát hiện LOD = 0,014 µg/kg	21/12/2023
14	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	26/12/2023
15	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	26/12/2023
16	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	26/12/2023
17	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	26/12/2023
18	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	26/12/2023
19	Doramectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
20	Eprinomectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
21	Febantel	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
22	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
23	Imidocarb	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
24	Ivermectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
25	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
26	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
27	Trichlorfon (Metrifonat)	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
28	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	26/12/2023
29	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	26/12/2023
30	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	26/12/2023
31	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	26/12/2023

Mã số mẫu: 34986.23

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-12-2023**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 029355 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 34987.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA TƯƠI NGUYÊN CHẤT TIỆT TRÙNG - VINAMILK GREEN FARM ORGANIC
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STTT-109
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 ml
Ngày nhận mẫu : 19/12/2023
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Bình
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlormequat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	24/12/2023
2	Diquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	24/12/2023
3	Paraquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	24/12/2023
4	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
5	Dithiocarbamate	HD.PP.168/TT.SK (GC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	22/12/2023
6	Ethephon	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	26/12/2023
7	Glufosinate-ammonium	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	26/12/2023
8	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	26/12/2023
9	Bifenthrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
10	Chlordane	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	26/12/2023
11	Chlorpyrifos-ethyl (Chlorpyrifos)	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
12	Chlorpyrifos-methyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 34987.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
14	Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
15	DDT	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	26/12/2023
16	Diazinon	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
17	Dicofol	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
18	Dimethipin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
19	Diphenylamin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,00006 mg/kg	20/12/2023
20	Disulfoton	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
21	Endosulfan (Endosulfan I, Endosulfan II, Endosulfan sulfate)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	26/12/2023
22	Fenpropathrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
23	Fenvalerate	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
24	Fipronil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
25	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	26/12/2023
26	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
27	Methoprene	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
28	Permethrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
29	Phorate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
30	Pirimiphos-methyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
31	Vinclozolin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
32	2,4-D (Dichlorophenoxyacetic acid)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
33	Abamectin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
34	Acephate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
35	Aldicarb	HD.PP.134-1/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
36	Aminopyralid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
37	Amitraz	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
38	Bentazone	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 34987.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
39	Bifenazate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
40	Bitertanol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
41	Carbaryl	HD.PP.134-1/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
42	Carbendazim	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
43	Carbofuran	HD.PP.134-1/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
44	Carbosulfan	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
45	Chlorpropham	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,00015 mg/kg	20/12/2023
46	Clethodim	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
47	Clofentezine	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
48	Cyhexatin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,015 mg/kg	20/12/2023
49	Cyprodinil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,00012 mg/kg	20/12/2023
50	Cyromazin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
51	Diclorvos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
52	Difenoconazol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
53	Diflubenzuron	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
54	Dimethenamid-p	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
55	Dimethoate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
56	Dimethomorph	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
57	Ethoprophos	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
58	Famoxadone	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
59	Fenamiphos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
60	Fenbuconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
61	Fenbutatin oxide	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,015 mg/kg	20/12/2023
62	Fenhexamid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0012 mg/kg	20/12/2023
63	Fenpropimorph	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
64	Fenpyroximate	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0012 mg/kg	20/12/2023

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 34987.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
65	Fludioxonil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
66	Flumethrin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
67	Flusilazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
68	Flutolanil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
69	Imidacloprid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
70	Indoxacarb	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/kg	20/12/2023
71	Kresoxim-methyl	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
72	Methamidophos	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
73	Methidathion	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	20/12/2023
74	Methomyl	HD.PP.134-1/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
75	Methoxyfenozide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
76	Myclobutanil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
77	Novaluron	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/kg	20/12/2023
78	Oxamyl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
79	Oxydemeton-methyl	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
80	Penconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
81	Pirimicarb	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
82	Prochloraz	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
83	Profenofos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
84	Propamocarb	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
85	Propargite	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
86	Propiconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
87	Pyraclostrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
88	Pyrimethanil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
89	Quinoxifen	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
90	Spinosad	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
91	Tebuconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
92	Tebufozide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
93	Terbufos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
94	Thiacloprid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
95	Triadimefon	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
96	Triadimenol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
97	Trifloxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
98	Piperonyl butoxide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**2.9-12-2023**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh